

THÔNG TƯ
Hướng dẫn kiểm tra nhà nước
về chất lượng hàng hoá lưu thông trên thị trường

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Căn cứ Nghị định số 28/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá;

Căn cứ Nghị định số 89/2006/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về nhãn hàng hoá;

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn nội dung, trình tự, thủ tục kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hoá lưu thông trên thị trường như sau:

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1.1. Thông tư này quy định về nội dung, trình tự, thủ tục và tổ chức thực hiện kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hoá lưu thông trên thị trường.

1.2. Thông tư này áp dụng đối với cơ quan kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa thuộc các Bộ, ngành, địa phương và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

2. Đối tượng kiểm tra

2.1. Hàng hoá lưu thông trên thị trường Việt Nam.

2.2. Hàng hoá đặc dụng của quốc phòng, an ninh không thuộc đối tượng kiểm tra của Thông tư này.

3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

3.1. Kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hoá lưu thông trên thị trường (sau đây gọi là kiểm tra chất lượng hàng hóa) là việc xem xét, kiểm tra kết quả đánh giá sự phù hợp, nhãn hàng hoá, dấu hợp chuẩn, dấu hợp quy và các tài liệu kèm theo sản phẩm, hàng hoá cần kiểm tra; thử nghiệm mẫu theo tiêu chuẩn đã

công bố áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng khi cần thiết.

3.2. Hàng hoá lưu thông trên thị trường bao gồm hàng hoá được đưa ra thị trường, khuyến mại và hàng hoá lưu giữ trong kho của cơ sở bán hàng.

3.3. Các thuật ngữ khác trong Thông tư này sử dụng cách giải thích từ ngữ theo quy định tại Điều 3 Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá.

4. Căn cứ kiểm tra

Căn cứ để kiểm tra chất lượng hàng hoá là quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn công bố áp dụng, quy định về nhãn hàng hoá và quy định khác của pháp luật.

5. Phương thức kiểm tra chất lượng hàng hoá

Phương thức kiểm tra chất lượng hàng hoá lưu thông trên thị trường như sau:

5.1. Kiểm tra theo kế hoạch hằng năm đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

5.1.1. Căn cứ để xây dựng kế hoạch hằng năm về kiểm tra chất lượng hàng hoá lưu thông trên thị trường như sau:

5.1.1.1. Mục tiêu, kế hoạch theo yêu cầu cơ quan quản lý chuyên ngành;

5.1.1.2. Kết quả kiểm tra, khảo sát chất lượng hàng hóa lưu thông trên thị trường;

5.1.1.3. Thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng về hàng hoá không bảo đảm chất lượng;

5.1.1.4. Thông tin cảnh báo trong nước, nước ngoài, khu vực, quốc tế về chất lượng hàng hoá.

5.1.2. Nội dung kế hoạch kiểm tra phải thể hiện được các nội dung chủ yếu như sau:

5.1.2.1. Đối tượng hàng hoá kiểm tra;

5.1.2.2. Địa bàn kiểm tra;

5.1.2.3. Thời gian kiểm tra (theo tháng);

5.1.2.4. Kinh phí tổ chức thực hiện kiểm tra;

5.1.2.5. Tổ chức thực hiện.

5.2. Kiểm tra đột xuất về chất lượng hàng hoá.

Căn cứ để kiểm tra đột xuất về chất lượng hàng hoá lưu thông trên thị trường như sau:

5.2.1. Theo yêu cầu của cơ quan quản lý chuyên ngành.

5.2.2. Khiếu nại, tố cáo về chất lượng hàng hóa.

5.2.3. Thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng về hàng hoá không bảo đảm chất lượng.

5.2.4. Thông tin cảnh báo trong nước, nước ngoài, khu vực, quốc tế về chất lượng hàng hoá.

6. Mẫu hàng hoá để thử nghiệm phục vụ kiểm tra chất lượng hàng hoá

6.1. Mẫu hàng hoá được mua theo hình thức lấy ngẫu nhiên trên thị trường để thử nghiệm tại tổ chức đánh giá sự phù hợp được chỉ định phục vụ việc theo dõi tình hình chất lượng hàng hoá trên thị trường.

6.2. Mẫu hàng hoá được lấy theo trình tự, thủ tục quy định tại điểm này để thử nghiệm tại tổ chức đánh giá sự phù hợp được chỉ định nhằm phục vụ hoạt động kiểm tra chất lượng hàng hoá lưu thông trên thị trường có nguy cơ không bảo đảm về chất lượng. Cụ thể như sau:

6.2.1. Căn cứ tiêu chuẩn về phương pháp thử hoặc quy chuẩn kỹ thuật đối với hàng hoá, đoàn kiểm tra lấy mẫu hàng hoá theo phương pháp lấy mẫu ngẫu nhiên, số lượng sao cho đủ để thử nghiệm các chỉ tiêu cần kiểm tra;

6.2.2. Mẫu hàng hoá sau khi lấy phải được niêm phong có chữ ký của người lấy mẫu, đại diện cơ sở được lấy mẫu. Trường hợp đại diện cơ sở được lấy mẫu không ký biên bản thì biên bản có chữ ký của người lấy mẫu và trưởng đoàn kiểm tra vẫn có giá trị pháp lý;

6.2.3. Lập biên bản lấy mẫu hàng hoá theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này;

6.2.4. Mẫu hàng hoá phải được gửi đến tổ chức thử nghiệm được chỉ định để thử nghiệm.

Kết quả thử nghiệm của tổ chức thử nghiệm được chỉ định là căn cứ pháp lý để cơ quan kiểm tra xử lý tiếp trong quá trình kiểm tra.

6.3. Chi phí lấy mẫu hàng hoá và thử nghiệm theo quy định tại Điều 41 Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá.

II. NỘI DUNG, TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VÀ XỬ LÝ KẾT QUẢ KIỂM TRA

1. Nội dung kiểm tra chất lượng hàng hoá

1.1. Về nhãn hàng hoá:

1.1.1. Kiểm tra nhãn hàng hoá theo quy định của pháp luật về nhãn hàng hoá;

1.1.2. Kiểm tra việc thể hiện tiêu chuẩn công bố áp dụng, dấu hợp chuẩn, dấu hợp quy.

1.2. Về chất lượng:

1.2.1. Kiểm tra điều kiện bảo quản hàng hoá theo quy định hoặc công bố trên nhãn hàng hoá;

1.2.2. Kiểm tra nội dung và việc thể hiện thông tin cảnh báo về khả năng gây mất an toàn của hàng hoá;

1.2.3. Kiểm tra sự phù hợp của hàng hoá với tài liệu kèm theo;

1.2.4. Kiểm tra mẫu hàng hoá được lấy theo quy định tại điểm 6.2 khoản 6 Mục I của Thông tư này để thử nghiệm tại tổ chức đánh giá sự phù hợp được chỉ định.

2. Trình tự và thủ tục kiểm tra

2.1. Đoàn kiểm tra tiến hành kiểm tra theo trình tự, thủ tục sau đây:

2.1.1. Xuất trình quyết định kiểm tra trước khi kiểm tra theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này;

2.1.2. Tiến hành kiểm tra theo nội dung quy định tại khoản 1 Mục này;

2.1.3. Lập biên bản kiểm tra theo mẫu quy định tại Phụ lục IIa ban hành kèm theo Thông tư này. Biên bản lập xong phải có chữ ký của đại diện cơ sở được kiểm tra, đoàn kiểm tra. Trường hợp đại diện cơ sở được kiểm tra không ký biên bản thì biên bản có chữ ký của trưởng đoàn kiểm tra và các thành viên đoàn kiểm tra vẫn có giá trị pháp lý

Trong trường hợp cần lấy mẫu hàng hoá, đoàn kiểm tra lấy mẫu theo quy định tại khoản 6 Mục I Thông tư này;

2.1.4. Báo cáo cơ quan kiểm tra về kết quả kiểm tra và kiến nghị về việc thông báo kết quả thử nghiệm mẫu hàng hoá không bảo đảm chất lượng cho tổ chức, cá nhân có hàng hoá được kiểm tra trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận được kết quả thử nghiệm mẫu theo mẫu quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này;

2.1.5. Xử lý kết quả kiểm tra theo quy định tại các khoản 3, 4, 5 Mục này.

2.2. Kiểm soát viên chất lượng tiến hành kiểm tra độc lập theo trình tự, thủ tục sau đây:

2.2.1. Xuất trình thẻ kiểm soát viên chất lượng trước khi kiểm tra;

2.2.2. Tiến hành kiểm tra theo nội dung quy định tại khoản 1 Mục này;

2.2.3. Lập biên bản kiểm tra theo mẫu quy định tại Phụ lục IIb ban hành kèm theo Thông tư này. Biên bản lập xong phải có chữ ký của đại diện cơ sở được kiểm tra, kiểm soát viên chất lượng. Trường hợp đại diện cơ sở được kiểm tra không ký biên bản thì biên bản có chữ ký của kiểm soát viên chất lượng và người chứng kiến vẫn có giá trị pháp lý

2.2.4. Xử lý kết quả kiểm tra theo quy định tại các khoản 3, 4, 5 Mục này.

3. Biện pháp xử lý trong trường hợp hàng hoá không đáp ứng yêu cầu về nhãn hàng hoá hoặc hàng hoá thuộc diện phải chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy, áp dụng các quy chuẩn kỹ thuật liên quan đến quá trình sản xuất nhưng chưa được thực hiện

3.1. Trường hợp Đoàn kiểm tra không có thành viên là Thanh tra viên, Kiểm soát viên thị trường hoặc trường hợp việc thực hiện kiểm tra do kiểm soát viên chất lượng thực hiện độc lập thì Đoàn kiểm tra, kiểm soát viên chất lượng xử lý theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa, cụ thể như sau:

3.1.1. Đoàn kiểm tra, kiểm soát viên chất lượng lập biên bản, yêu cầu người bán hàng tạm dừng việc bán hàng hoá. Trong thời hạn không quá 24 giờ phải báo cáo với cơ quan kiểm tra chất lượng hàng hoá để cơ quan kiểm tra ra thông báo tạm dừng lưu thông hàng hoá theo mẫu quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này và xử lý theo thẩm quyền;

3.1.2. Cơ quan kiểm tra chỉ ra thông báo hàng hoá được tiếp tục lưu thông trên thị trường theo mẫu quy định tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư này khi người bán hàng hàng hóa đó đã khắc phục đạt yêu cầu và báo cáo bằng văn bản cho cơ quan kiểm tra.

3.1.3. Trường hợp hàng hóa vi phạm có nguy cơ gây mất an toàn cho người, động vật, tài sản, môi trường hoặc người bán hàng vẫn tiếp tục vi phạm, không chấp hành các yêu cầu của cơ quan kiểm tra thì cơ quan kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hoá trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có kết luận về vi phạm của người bán hàng, thông báo công khai trên phương tiện thông tin đại chúng tên người bán hàng, địa chỉ nơi bán hàng, tên hàng hoá và sự không phù hợp của hàng hoá theo mẫu quy định tại Phụ lục IX ban hành kèm theo Thông tư này. Đồng thời kiến nghị cơ quan Thanh tra chuyên ngành, Quản lý thị trường xử lý theo quy định của pháp luật.

3.2. Trường hợp Đoàn kiểm tra có thành viên là Thanh tra viên, Kiểm soát viên thị trường thì Đoàn kiểm tra xử lý theo quy định tại điểm 3.1.1 khoản này. Nếu cần thiết phải xử phạt vi phạm hành chính thì Thanh tra viên, Kiểm soát viên thị trường xử lý theo quy định của pháp luật.

4. Biện pháp xử lý trong trường hợp hàng hóa có kết quả thử nghiệm mẫu không phù hợp với tiêu chuẩn công bố áp dụng hoặc quy chuẩn kỹ thuật tương ứng.

Cơ quan kiểm tra xử lý theo quy định tại các khoản 2, 3 Điều 40 Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa, cụ thể như sau:

4.1. Đoàn kiểm tra phải báo cáo với cơ quan kiểm tra về kết quả thử

nghiệm mẫu để cơ quan kiểm tra thông báo kết quả thử nghiệm mẫu không đạt yêu cầu chất lượng cho người bán hàng theo mẫu quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này.

4.2. Yêu cầu người bán hàng cung cấp thông tin liên quan đối với hàng hoá cùng loại như số lượng hàng hoá còn tồn, đã bán và liên hệ với người sản xuất, nhập khẩu biết để khắc phục, xử lý, sửa chữa và thực hiện các nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

4.3. Thông báo tạm dừng lưu thông đối với loại hàng hoá vi phạm về chất lượng, niêm phong hàng hoá còn tồn ở cơ sở đã kiểm tra theo mẫu quy định tại Phụ lục VIIa, VIIb ban hành kèm theo Thông tư này.

4.4. Trường hợp không nhất trí với kết quả thử nghiệm mẫu thì trong thời gian 02 ngày kể từ ngày nhận được thông báo kết quả thử nghiệm mẫu không đạt yêu cầu chất lượng, người bán hàng có thể đề nghị một tổ chức đánh giá sự phù hợp được chỉ định thực hiện đánh giá chất lượng đối với hàng hoá còn tồn đó. Kết quả đánh giá sự phù hợp này là căn cứ để cơ quan kiểm tra xử lý, kết luận cuối cùng. Chi phí đánh giá sự phù hợp do người bán hàng chi trả.

4.5. Trường hợp hàng hoá có đầy đủ bằng chứng không phù hợp với tiêu chuẩn công bố áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng hoặc người bán hàng không thực hiện các yêu cầu trong thông báo tạm dừng lưu thông thì cơ quan kiểm tra kiến nghị cơ quan Thanh tra chuyên ngành, Quản lý thị trường xử lý theo quy định của pháp luật, đồng thời thông báo công khai trên phương tiện thông tin đại chúng tên người bán hàng, địa chỉ nơi bán hàng, tên hàng hoá và sự không phù hợp của hàng hoá.

4.6. Cơ quan kiểm tra chỉ thông báo hàng hoá được tiếp tục lưu thông trên thị trường khi người bán hàng đã khắc phục đạt yêu cầu và báo cáo bằng văn bản cho Cơ quan kiểm tra.

4.7. Sau khi phát hiện hàng hoá lưu thông trên thị trường không phù hợp với tiêu chuẩn công bố áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng thì cơ quan kiểm tra có trách nhiệm thông báo cho cơ quan kiểm tra trong sản xuất tương ứng xem xét việc tiến hành kiểm tra chất lượng sản phẩm tại cơ sở sản xuất theo nội dung quy định tại Điều 5, xử lý theo Điều 6 Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

III. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

1. Trách nhiệm của cơ quan kiểm tra trong việc xây dựng kế hoạch kiểm tra

1.1. Căn cứ các quy định tại điểm 5.1 khoản 5 Mục I của Thông tư này, cơ quan kiểm tra có trách nhiệm xây dựng kế hoạch kiểm tra hằng năm như sau:

1.1.1. Trước ngày 30 tháng 6 hằng năm, cơ quan kiểm tra ở địa phương phải hoàn thành việc xây dựng kế hoạch kiểm tra chất lượng hàng hoá lưu thông trên thị trường tại địa phương cho năm sau;

1.1.2. Kế hoạch kiểm tra chất lượng hàng hoá lưu thông trên thị trường của các cơ quan kiểm tra ở địa phương sau khi được phê duyệt phải báo cáo với cơ quan kiểm tra ở Trung ương thuộc ngành, lĩnh vực và gửi tới Sở Khoa học và Công nghệ;

Trước ngày 15 tháng 7 hằng năm, Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp kế hoạch kiểm tra của các cơ quan kiểm tra ở địa phương và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, đồng thời báo cáo về Bộ Khoa học và Công nghệ (Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng).

1.1.3. Trước ngày 30 tháng 6 hằng năm, cơ quan kiểm tra ở Trung ương phải hoàn thành việc xây dựng kế hoạch kiểm tra chất lượng hàng hoá lưu thông trên thị trường thuộc ngành, lĩnh vực của mình.

Kế hoạch kiểm tra chất lượng hàng hoá lưu thông trên thị trường của các cơ quan kiểm tra ở Trung ương sau khi được phê duyệt phải báo cáo cho Bộ quản lý ngành, lĩnh vực và gửi tới Bộ Khoa học và Công nghệ (Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng).

1.1.4. Trước ngày 15 tháng 7 hằng năm, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng xây dựng kế hoạch kiểm tra liên ngành trình Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt để phối hợp triển khai kiểm tra.

2. Trao đổi thông tin trong quá trình kiểm tra

Cơ quan kiểm tra có trách nhiệm thông tin kết quả khảo sát, kiểm tra của mình về hàng hóa không đạt chất lượng cho các cơ quan quản lý chất lượng hàng hoá chuyên ngành, thanh tra chuyên ngành, quản lý thị trường, cơ quan có liên quan để biết và phối hợp.

3. Báo cáo tình hình, kết quả kiểm tra

3.1. Cơ quan kiểm tra có trách nhiệm tổng hợp báo cáo tình hình và kết quả kiểm tra định kỳ 6 tháng, hằng năm, đột xuất theo yêu cầu hoặc khi kiểm tra đột xuất. Nội dung báo cáo theo mẫu quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này, cụ thể như sau:

3.1.1. Cơ quan kiểm tra địa phương tổng hợp báo cáo tình hình kết quả kiểm tra chất lượng hàng hóa lưu thông trên thị trường thuộc trách nhiệm của mình gửi cơ quan chủ quản và gửi Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Bộ Khoa học và Công nghệ (Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng).

3.1.2. Cơ quan kiểm tra ở Trung ương tổng hợp báo cáo tình hình kết quả kiểm tra chất lượng hàng hóa lưu thông trên thị trường thuộc trách nhiệm của

mình quản lý gửi Bộ quản lý ngành, lĩnh vực và gửi Bộ Khoa học và Công nghệ (Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng).

3.2. Trên cơ sở báo cáo của các địa phương, các Bộ, ngành, Bộ Khoa học và Công nghệ xử lý tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

4. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày, kể từ ngày ký ban hành.

5. Trách nhiệm thi hành

5.1. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, cơ quan kiểm tra, tổ chức, cá nhân, cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này. Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng hướng dẫn, kiểm tra thực hiện Thông tư này.

5.2. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc, Cơ quan kiểm tra phản ánh kịp thời về Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng để tổng hợp, đề xuất và báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Các Phó Thủ tướng CP (để báo cáo);
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP (để phối hợp);
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW (để phối hợp);
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Lưu VT, PC, TĐC.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Trần Quốc Thắng

Phụ lục IIb
MẪU BIÊN BẢN KIỂM TRA

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2009/TT-BKHHCN
ngày 02 tháng 6 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)*

Tên cơ quan kiểm tra
Kiểm soát viên chất lượng

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

, ngày tháng năm

BIÊN BẢN KIỂM TRA
Chất lượng hàng hoá lưu thông trên thị trường
Số

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá ngày 21 tháng 11 năm 2007;
Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá;
Căn cứ Thông tư số 16/2009/ TT-BKHHCN ngày 02 tháng 6 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn kiểm tra chất lượng hàng hoá lưu thông trên thị trường;

Hôm nay, ngày.....tháng.....năm....., Tôi.....Kiểm soát viên chất lượng tiến hành kiểm tra tại:

Đại diện cơ sở được kiểm tra:.....

Người chứng kiến :.....

- I. Nội dung - kết quả kiểm tra
- II. Nhận xét và kết luận
- III. Yêu cầu đối với cơ sở
- IV. Ý kiến của cơ sở được kiểm tra

Biên bản được lập thành 02 bản có giá trị như nhau vào hồi... giờ ngày tháng năm tại....., đã được các bên thông qua, 01 bản giao cho cơ sở được kiểm tra, 01 bản Kiểm soát viên chất lượng lưu./.

Đại diện cơ sở được kiểm tra
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Kiểm soát viên chất lượng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người chứng kiến
(Ký, ghi rõ họ tên)

Phụ lục IV
MẪU THÔNG BÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM MẪU
KHÔNG ĐẠT YÊU CẦU CHẤT LƯỢNG
(Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2009/TT-BKHHCN
ngày tháng năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

Tên cơ quan chủ quản
Tên cơ quan kiểm tra
Số: /TB-

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

, ngày tháng năm

THÔNG BÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM MẪU
KHÔNG ĐẠT YÊU CẦU CHẤT LƯỢNG

Kính gửi:

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá ngày 21 tháng 11 năm 2007;
Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá;

Căn cứ Thông tư số 16/2009/TT-BKHHCN ngày 02 tháng 6 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn kiểm tra chất lượng hàng hoá lưu thông trên thị trường;

Căn cứ chức năng nhiệm vụ quyền hạn của (1).....tại Quyết định số ... ngày...

Ngày.... tháng năm , (1) đã tiến hành kiểm tra chất lượng và nhãn hàng hoá lưu thông trên thị trường tại...(2) thuộc

Căn cứ vào biên bản lấy mẫu số... và kết quả thử nghiệm mẫu số.....,

..... (1) **THÔNG BÁO**

I. Các mẫu hàng hoá không đạt yêu cầu chất lượng:

STT,	Tên mẫu, Ký hiệu	Tên cơ sở và địa chỉ NSX/NK ghi trên nhãn	Ngày sản xuất, số lô (nếu có)	Chỉ tiêu không đạt

II. Yêu cầu đối với cơ sở được kiểm tra:

Nơi nhận:

- Đơn vị được kiểm tra - để thực hiện;
- Lưu VT, (... đơn vị soạn thảo).

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN KIỂM TRA
(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

(1) Cơ quan kiểm tra

(2) Tên cơ sở được kiểm tra

Phụ lục V

MẪU BÁO CÁO CÔNG TÁC KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG HÀNG HOÁ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2009/TT-BKHCN

ngày 02 tháng 6 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

Tên cơ quan chủ quản
Tên cơ quan kiểm tra
Số: /BC-

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

, ngày tháng năm

BÁO CÁO CÔNG TÁC KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG HÀNG HOÁ

Kính gửi:

I. Đặc điểm tình hình lưu thông hàng hoá thuộc trách nhiệm quản lý:
(mặt hàng chính, ước tính khối lượng hàng hoá và giá trị (nếu có)

II. Kết quả kiểm tra :

- 2.1. Các hàng hoá được kiểm tra;
- 2.2. Số cơ sở được kiểm tra và địa bàn kiểm tra;
- 2.3. Tình hình chất lượng, nhãn hàng hoá qua kiểm tra;
- 2.4. Tình hình vi phạm, xử lý và một số vụ điển hình:
 - Số vụ vi phạm, xử lý.
 - Các hành vi vi phạm.
 - Một số vụ điển hình: hàng hóa (số lượng, trị giá), nội dung vi phạm, hình thức và mức xử lý.
- 2.5. Tình hình khiếu nại và giải quyết khiếu nại về chất lượng và nhãn hàng hoá.

III. Nhận xét đánh giá chung :

IV. Kiến nghị :

(Các phụ lục kèm theo báo cáo:)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN KIỂM TRA

(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Nơi nhận:

- Cơ quan chủ quản cấp trên (để báo cáo);
- Bộ KH&CN;
- Lưu VT, (.... đơn vị soạn thảo).

Phụ lục VI
MẪU THÔNG BÁO TẠM DỪNG LƯU THÔNG HÀNG HOÁ
(Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2009/TT-BKHCN
ngày 02 tháng 6 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

Tên cơ quan chủ quản

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Tên cơ quan kiểm tra

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TB- ...

, ngày tháng năm

THÔNG BÁO
TẠM DỪNG LƯU THÔNG HÀNG HOÁ

Kính gửi: (Tên Cơ sở kinh doanh)

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá ngày 21 tháng 11 năm 2007;
Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ
Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá;
Căn cứ Thông tư số 16/2009/ TT-BKHCN ngày 02 tháng 6 năm 2009 của Bộ trưởng
Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn kiểm tra chất lượng hàng hoá lưu thông trên thị
trường;

Căn cứ Biên bản kiểm tra ngày ..tháng...năm ... tại...

Căn cứ Kết quả thử nghiệm mẫu (nếu có)

..... (1) **THÔNG BÁO**

1. Tạm dừng việc (bán, lưu thông, sử dụng...) hàng hoá (Tên hàng - số lượng) của:
 - Tên tổ chức, cá nhân (cơ sở được kiểm tra)
 - Địa chỉ :
2. (2) có trách nhiệm liên hệ với người sản xuất, hoặc nhập khẩu để thực hiện các biện pháp xử lý, khắc phục, sửa chữa trong thời hạn..... ngày. Hàng hoá nêu trên chỉ được phép tiếp tục . nếu đã thực hiện hành động khắc phục đạt yêu cầu, báo cáo với cơ quan kiểm tra và được cơ quan kiểm tra ra thông báo hàng hoá được tiếp tục lưu thông trên thị trường.
3. Thông báo này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, đoàn kiểm tra, (2), chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như trên (để thực hiện);
- Cơ quan liên quan (để phối hợp);
- Lưu VT, (... đơn vị soạn thảo).

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN KIỂM TRA

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

(1) Cơ quan kiểm tra;

(2 Tên tổ chức cá nhân (CSKD) có hàng tạm dừng bán.

Phụ lục VIIa
MẪU BIÊN BẢN NIÊM PHONG HÀNG HOÁ
(Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2009/TT-BKHCN
ngày 02 tháng 6 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

Tên cơ quan kiểm tra

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Đoàn kiểm tra

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

, ngày tháng năm

BIÊN BẢN NIÊM PHONG HÀNG HOÁ

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá ngày 21 tháng 11 năm 2007;
Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá;
Căn cứ Thông tư số 16/2009/TT-BKHCN ngày 02 tháng 6 năm 2009 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn kiểm tra chất lượng hàng hoá lưu thông trên thị trường;
Căn cứ Thông báo tạm dừng lưu thông hàng hoá số

Hôm nay, hồi...giờ ... ngày... tháng... năm

Chúng tôi gồm:

Đoàn kiểm tra (Trưởng đoàn và các thành viên đoàn kiểm tra)

- Họ và tên.....Chức vụ . . . Trưởng đoàn

- Họ và tên..... Chức vụ..... thành viên

Đại diện cơ sở được kiểm tra

- Họ và tên Chức vụ

Tiến hành niêm phong (tên hàng hoá).... số lượng.... lưu giữ tại địa chỉ

Tình trạng hàng hóa khi niêm phong:

Biên bản này được lập thành 02 bản có nội dung và giá trị như nhau, 01 bản lưu tại cơ quan kiểm tra, 01 bản lưu tại cơ sở được kiểm tra.

Đại diện cơ sở được kiểm tra
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Trưởng đoàn kiểm tra
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thành viên đoàn kiểm tra
(Ký, ghi rõ họ tên)

Phụ lục VIIb
MẪU BIÊN BẢN NIÊM PHONG HÀNG HOÁ
(Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2009/TT-BKHHCN
ngày 02 tháng 6 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

Tên cơ quan kiểm tra
Kiểm soát viên chất lượng

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

, ngày tháng năm

BIÊN BẢN NIÊM PHONG HÀNG HOÁ

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá ngày 21 tháng 11 năm 2007;
Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá;
Căn cứ Thông tư số 16/2009/ TT-BKHHCN ngày 02 tháng 6 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn kiểm tra chất lượng hàng hoá lưu thông trên thị trường;

Căn cứ Thông báo tạm dừng lưu thông hàng hoá số

Hôm nay, hồi...giờ ... ngày... tháng... năm

Chúng tôi gồm:

- Họ và tên..... Kiểm soát viên chất lượng thuộc cơ quan kiểm tra.....

.....

- Họ và tên Chức vụ đại diện cơ sở được kiểm tra

- Người chứng kiến:

Tiến hành niêm phong (tên hàng hoá).... số lượng.... lưu giữ tại địa chỉ

Tình trạng hàng hóa khi niêm phong:

Biên bản này được lập thành 02 bản có nội dung và giá trị như nhau, 01 bản lưu tại cơ quan kiểm tra, 01 bản lưu tại cơ sở được kiểm tra.

Đại diện cơ sở được kiểm tra
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Kiểm soát viên chất lượng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người chứng kiến
(Ký, ghi rõ họ tên)

Phụ lục VIII
MẪU THÔNG BÁO
HÀNG HOÁ ĐƯỢC TIẾP TỤC LƯU THÔNG TRÊN THỊ TRƯỜNG
(Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2009/TT-BKHHCN
ngày 02 tháng 6 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

Tên cơ quan chủ quản
Tên cơ quan kiểm tra

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TB- ... , ngày tháng năm

THÔNG BÁO
HÀNG HOÁ ĐƯỢC TIẾP TỤC LƯU THÔNG TRÊN THỊ TRƯỜNG

Kính gửi: (Tên Cơ sở kinh doanh)

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá ngày 21 tháng 11 năm 2007;
Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá;
Căn cứ Thông tư số 16/2009/TT-BKHHCN ngày 02 tháng 6 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn kiểm tra chất lượng hàng hoá lưu thông trên thị trường;
Căn cứ Thông báo tạm dừng lưu thông hàng hoá số ...
Căn cứ kết quả hành động khắc phục đối với hàng hóa.....

..... (1) **THÔNG BÁO**

1. Tên hàng hóasố lượng..... của:

- Tên tổ chức, cá nhân (cơ sở được kiểm tra)
- Địa chỉ:

Được tiếp tục lưu thông trên thị trường .

2. Thông báo này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, đoàn kiểm tra, (2). chịu trách nhiệm thi hành Thông báo này./.

Nơi nhận:

- Như trên (để thực hiện);
- Cơ quan liên quan (để phối hợp);
- Lưu VT, (...đơn vị soạn thảo).

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN KIỂM TRA
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

- (1) Cơ quan kiểm tra;
- (2) Tên tổ chức cá nhân có hàng hóa được tiếp tục lưu thông.

Phụ lục IX
MẪU THÔNG BÁO HÀNG HÓA KHÔNG ĐẠT CHẤT LƯỢNG
(Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2009/TT-BKHCN
ngày 02 tháng 6 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

Tên cơ quan chủ quản
Tên cơ quan kiểm tra
Số: /TB- ...

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

, ngày tháng năm

THÔNG BÁO HÀNG HÓA KHÔNG ĐẠT CHẤT LƯỢNG

Kính gửi: Các cơ quan thông tin đại chúng

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá ngày 21 tháng 11 năm 2007;
Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá;
Căn cứ Thông tư số 16/2009/ TT- BKHCN ngày 02 tháng 6 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn kiểm tra chất lượng hàng hoá lưu thông trên thị trường;

Căn cứ kết quả kiểm tra chất lượng hàng hóa tại.....ngày....

(Tên Cơ quan kiểm tra) **THÔNG BÁO**

- Tên hàng hóa :
- Số lượng :
- Nhãn hiệu ghi trên hàng hóa:
- Tên cơ sở bán hàng và địa chỉ bán hàng hóa:
- Nội dung không đạt chất lượng (Chỉ tiêu chất lượng, ghi nhãn ,...)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, (... đơn vị soạn thảo).

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN KIỂM TRA

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)